
Mục lục

1 CNXKHK là gì? Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học?	3
1.1 Định nghĩa CNXHKH	3
1.2 Hoàn cảnh lịch sử ra đời của CNXHKH	3
1.2.1 Điều kiện kinh tế - xã hội	3
1.2.2 Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận	5
2 Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học?	7
2.1 Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị	7
2.2 Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen	8
2.3 Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học	9
3 Khái niệm giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?	10
3.1 Khái niệm:	10
3.2 Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	12
3.2.1 Nội dung kinh tế	12
3.2.2 Nội dung chính trị - xã hội	13
3.2.3 Nội dung văn hóa, tư tưởng	13
4 Những điều kiện khách quan và chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?	13

4.1 Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	14
4.1.1 Do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân	14
4.1.2 Do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân	15
4.2 Điều kiện chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân	16
4.2.1 Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng	16
4.2.2 Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình .	16
4.2.3 Sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác (trí thức, tiểu thương,...) do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo	17
 5 Những đặc trưng cơ bản của CNXH theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin?	 17
 6 Khái niệm dân tộc và cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin?	 19
6.1 Khái niệm dân tộc	19
6.1.1 Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin	20
 7 Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo?	 22
7.1 Bản chất của tôn giáo	22
7.2 Nguồn gốc của tôn giáo	23
7.3 Tính chất của tôn giáo	24

Câu 1

CNXKHK là gì? Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học?

1.1 Định nghĩa CNXHKKH

- Nghĩa rộng: Chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng là chủ nghĩa Mác - Lênin.
- Nghĩa hẹp: là 1 trong 3 bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin.

1.2 Hoàn cảnh lịch sử ra đời của CNXHKKH

1.2.1 Điều kiện kinh tế - xã hội

Về kinh tế

- Trong những năm 40 của thế kỷ 19, dưới sự tác động của Cách mạng Công nghiệp, Chủ nghĩa tư bản đã có sự phát triển quan trọng làm bộc lộ bản chất và những mâu thuẫn nội tại của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Sự phát triển quan trọng ở đây đó là chủ nghĩa tư bản hình thành chưa đầy 1 thế kỉ nhưng nó đã tạo ra một khối lượng lực lượng sản xuất khổng lồ bằng tất cả các xã hội trước cộng lại.

- Chính sự phát triển rất nhanh của lực lượng sản xuất đã tác động tới phương thức sản xuất dẫn tới mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính Xã hội hóa ngày càng cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất.

- Bằng chứng thể hiện một cách rõ nhất mâu thuẫn này chính là các cuộc khủng hoảng kinh tế mang tính chu kì (1825, 1836, 1847, 1857) cho thấy mâu thuẫn ngày càng nhanh hơn, gay gắt hơn.

- Các cuộc khủng hoảng là minh chứng cho sự mất cân bằng cung và cầu trên thị trường. Khi cung lớn hơn cầu thì dẫn tới khủng hoảng thừa, sau khủng hoảng thừa thì người ta lại hạn chế sản xuất, thu hẹp quy mô sản xuất dẫn tới cung nhỏ hơn cầu và dẫn tới khủng hoảng thiếu.

- Qua đó ta thấy được học thuyết kinh tế bàn tay vô hình (để thị trường tự điều tiết) không còn phù hợp nữa. Tất yếu nó cần được thay thế bằng một học thuyết kinh tế khác.

- Đó là lý do các nhà kinh tế đã đưa ra các quan điểm về sự điều tiết của nhà nước dưới góc độ vĩ mô để tránh các tổn thất của các cuộc khủng hoảng.

Về xã hội

- Cùng với sự phát triển của Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra giai cấp vô sản, là những người trực tiếp vận hành trong các dây chuyền sản xuất và cũng là người đại diện cho lực lượng sản xuất. Đến thời điểm này, giai cấp công nhân đã có sự phát triển về số lượng và chất lượng.

- Cùng với sự phát triển của giai cấp công nhân cũng đã hình thành nên những mâu thuẫn của giai cấp công nhân với giai cấp tư sản. Mâu thuẫn này không chỉ thể hiện một cách đơn thuần như trước mà đã biểu hiện một cách gay gắt và những mâu thuẫn này là những mâu thuẫn đối kháng không thể điều hòa được, thể hiện thông qua 3 phong trào đấu tranh, khởi nghĩa trên quy mô lớn của giai cấp công nhân ở Pháp (1831, 1834), Đức (1844) và ở Anh (1836-1848).

- Địa điểm diễn ra các cuộc khởi nghĩa đều là những nước đã và đang chịu sự tác động của cách mạng công nghiệp và giai cấp công nhân đã trưởng thành, trở thành một lực lượng chính trị độc lập, đấu tranh chống lại giai cấp tư sản để đòi hỏi những lợi ích về kinh tế và chính trị cho giai cấp của mình.

- Tất cả phong trào đấu tranh có thể diễn ra 1 lần, 2 lần hay diễn ra trong 1 thời gian dài nhưng tóm lại đều là đấu tranh tự phát, chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản, sớm hay muộn cũng bị giai cấp tư sản đàn áp và thất bại.

- Chính những phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân đã đi đến một yêu cầu đặt ra đối với thực tiễn là để giai cấp công nhân có thể đấu tranh chiến thắng giai cấp tư sản thì họ cần có một lý luận cách mạng soi đường.

- Đặt ra yêu cầu cho các nhà khoa học nghiên cứu thực tiễn để khái quát thành lý luận. Từ đó, Mác và Ăngghen trên cơ sở nghiên cứu thực tiễn về kinh tế, sự phát triển của phong trào công nhân đã tạo ra những điều kiện khách quan để cho ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học.

→ Chính những điều kiện Kinh Tế - Xã Hội này là mảnh đất hiện thực cho

sự ra đời của Chủ nghĩa xã hội khoa học.

1.2.2 Tiền đề khoa học tự nhiên và tư tưởng lý luận

Tiền đề khoa học tự nhiên

Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển đột phá có tính cách mạng:

- Học thuyết tiến hóa:

- + Trước khi các thuyết tiến hóa ra đời, việc hình thành nhận thức của con người dựa trên thuyết duy tâm thần học, họ cho rằng thế giới này được tạo ra bởi 1 đấng sáng thế nào đó. Khi thuyết tiến hóa ra đời đã bác bỏ quan niệm này.

- + Học thuyết tiến hóa là cơ sở KHTN chứng minh rằng giữa tất cả các loài đều được tiến hóa từ các loài trước đó bằng con đường chọn lọc tự nhiên thông qua đặc tính biến dị và di truyền.

- + Đây cũng chính là một bằng chứng khoa học để bác bỏ quan điểm duy tâm thần học xây dựng quan điểm duy vật và là cơ sở để các nhà khoa học tiếp thu những nhận thức mới, hiểu biết hơn về giới tự nhiên

- Học thuyết tế bào đã bác bỏ phương pháp tư duy siêu hình để hình thành nên phương pháp tư duy biện chứng khi xem xét sự phát triển của sự vật, hiện tượng trong giới tự nhiên.

- + Phương pháp tư duy biện chứng cho thấy được sự thống nhất giữa các sinh vật sống trên thế giới, nó không có gì khác biệt giữa thế giới thực vật và động vật. Bởi vì giới sinh vật có chung 1 cấu tạo đầu tiên đó là tế bào, chỉ khác nhau ở cấu tạo của tế bào. Học thuyết tế bào là một phát minh ảnh hưởng tới thế giới quan của các nhà khoa học nói chung và là cơ sở, tiền đề để chuyển từ phương pháp tư duy siêu hình sang phương pháp tư duy biện chứng

- Định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng đã thể hiện sự thống nhất của thế giới vật chất và bác bỏ những giới hạn của con người đối với thế giới vật chất. Như vậy, thế giới này không có điểm đầu và cũng không có điểm cuối chỉ có những thời điểm chúng ta nhận thức về thế giới vật chất này và những dạng biểu hiện cụ thể của tgvv này mà thôi. Đây cũng là động lực cho các nhà khoa học tham gia ngày càng nhiều, có các nghiên cứu về thế giới vật

chất mà mình đang sống

→ Trên đây là 3 phát minh vĩ đại cấu thành nên nền tảng KHTN của quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, Là cơ sở phương pháp luận cho các nhà sáng lập Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu những vấn đề lý luận chính trị-xã hội đương thời.

Tiền đề tư tưởng lý luận

Cùng với sự phát triển của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội cũng có những thành tựu đáng ghi nhận:

- Triết học cổ điển Đức (đại biểu Heghen và Phơbách).

- + Mác thừa kế phép biện chứng của Hêghen trên cơ sở loại bỏ các yếu tố duy tâm thần bí trong hệ thống triết học của Hêghen, đồng thời thừa kế các quan điểm duy vật tiến bộ của Phơbách để xây dựng phép biện chứng duy vật.

- Kinh tế chính trị học cổ điển Anh (Đại biểu là Adam Smit và D. Ricardo).

- + Trong tư tưởng của các nhà không tưởng, kinh tế chính trị cổ điển Anh thì Mác đã kế thừa được hạt nhân hợp lý, đó chính là giá trị thặng dư.

- + Qua nghiên cứu giá trị thặng dư thì Mác đã chỉ ra nguyên nhân làm nên sự giàu có của giai cấp tư sản và cũng chỉ ra được hình thức bóc lột của giai cấp tư sản đối với giai cấp công nhân là bóc lột giá trị thặng dư. Từ đó Mác có cơ sở để khẳng định rằng trong các giai cấp đối lập với giai cấp tư sản thì giai cấp công dân là giai cấp cách mạng.

- Chủ nghĩa xã hội không tưởng phê phán Pháp (Đại biểu là XanhXimong và Phurie,...). + Là nguồn gốc lý luận trực tiếp cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học và sự ra đời này đã đóng góp nhiều giá trị tích cực: Phê phán chế độ phong kiến, chủ nghĩa tư bản sâu sắc, toàn diện, Đưa ra nhiều luận điểm có giá trị về mô hình xã hội trong tương lai, thức tỉnh tinh thần đấu tranh của giai cấp công nhân chống lại chủ nghĩa tư bản.

- + Bên cạnh đó cũng có nhiều hạn chế như chưa phát hiện ra quy luật vận động nội tại của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, chưa phát hiện ra được lực lượng giai cấp tiên phong đóng vai trò lãnh đạo trong quá trình chuyển biến cách mạng từ xã hội cũ sang xã hội mới, hay chưa tìm ra con đường và biện pháp đấu tranh cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa

xã hội

+ Chính những hạn chế này đã đặt ra yêu cầu cho Mác phải đi giải quyết, khắc phục. Và việc Mác khắc phục chủ nghĩa xã hội không tưởng đầu thế kỷ XIX cũng chính là cơ sở ra đời lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học.

Kết luận: Chính những tiền đề khoa học tự nhiên và tiền đề tư tưởng lý luận là những vấn đề thực tiễn đặt ra để Mác - Ăngghen kế thừa, cải tạo có sự chọn lọc và phát triển lên học thuyết của mình, cho ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học sau này.

Câu 2

Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học?

Để đi phân tích vai trò của C.Mác và Ăngghen đối với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học thì chúng ta đi phân tích Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị, ba phát kiến vĩ đại của C. Mác và Ph.Ăngghen và tuyên ngôn của Đảng Cộng sản - đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học.

2.1 Sự chuyển biến lập trường triết học và lập trường chính trị

- Lúc đầu các lập trường triết học của Mác và Ăngghen là lập trường triết học duy tâm do chịu ảnh hưởng từ tư tưởng của việc các ông sinh hoạt trong phái hê - ghen trẻ.

- Thông qua việc sinh hoạt đó thì 2 ông cũng thấy được những mặt hạn chế của tư tưởng triết học heeghen mà ở đây là dựa trên cơ sở triết học duy tâm.

- Bằng sự hiểu biết và nhận thức của mình, các ông đã thấy được sự bất hợp lý đó, và các ông đã có sự thay đổi về lập trường triết học là chuyển từ lập trường triết học duy tâm sang lập trường triết học duy vật.

- Và tác phẩm đánh dấu sự chuyển biến đó chính là tác phẩm góp phần

phê phán pháp quyền của Hê ghen. Phần lời nói đầu được xuất bản năm 1844.

- Cũng thông qua tác phẩm đó là Lược khảo khoa Kinh tế chính trị cũng giúp cho các ông 1 lần nữa khẳng định sự chuyển biến từ thế giới quan duy tâm sang thế giới quan duy vật.

- Cùng với quá trình chuyển biến đó thì các ông đã có sự thay đổi về lập trường chính trị. Thông qua các việc cùng hoạt động trong phong trào công nhân, hiểu được tình cảnh của những người công nhân và thấy được những tinh thần cách mạng của giai cấp công nhân thì cũng đã giúp cho các ông có được sự chuyển biến về lập trường giai cấp đó là chuyển từ lập trường giai cấp tư sản sang lập trường giai cấp công nhân .

- Cũng chính việc đứng trên lập trường của giai cấp công nhân đã giúp cho các ông có thể đi đến việc xây dựng lý luận, giúp giai cấp công nhân thực hiện sứ mệnh lịch sử và cũng chuyển từ lập trường chính trị dân chủ tư sản sang lập trường cộng sản chủ nghĩa.

→ Trong một khoảng thời gian vừa gần nghiên cứu lý luận với hoạt động thực tiễn thì Mác và Ăngghen đã có sự chuyển biến về lập trường triết học và lập trường chính trị. Từ đó giúp các ông khẳng định một cách dứt khoát, kiên định và nhất quán tư tưởng này. Nếu không có chuyển biến này thì sẽ không có Chủ nghĩa Mác sau này.

2.2 Ba phát kiến vĩ đại của C.Mác và Ph.Ăngghen

- Chủ nghĩa duy vật lịch sử:

- + Trên cơ sở kế thừa “cái hạt nhân hợp lý” của phép biện chứng và loại bỏ quan điểm duy tâm, thần bí của Triết học Ph.Hêghen, kế thừa những giá trị duy vật và loại bỏ quan điểm siêu hình của Triết học L.Phoiobắc, đồng thời nghiên cứu thành tựu khoa học tự nhiên, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật biện chứng.

- + Bằng phép biện chứng duy vật, nghiên cứu chủ nghĩa tư bản, C.Mác và Ph.Ăngghen đã sáng lập chủ nghĩa duy vật lịch sử-phát kiến vĩ đại thứ nhất của C.Mác và Ph.Ăngghen, là sự khẳng định về mặt triết học sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đều tất yếu như nhau.

- Học thuyết về giá trị thặng dư:

+ Từ việc phát hiện ra chủ nghĩa duy vật lịch sử, C.Mác và Ph.Ăngghen đi sâu nghiên cứu nền sản xuất công nghiệp và nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã sáng tạo ra bộ “tư bản”, mà giá trị to lớn nhất của nó là “Học thuyết về giá trị thặng dư”-phát kiến vĩ đại thứ hai của C.Mác và Ph.Ăngghen, là sự khẳng định về phương diện kinh tế, sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự ra đời tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

- Học thuyết về sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân:

+ Trên cơ sở hai phát kiến vĩ đại là chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, C.Mác và Ph.Ăngghen đã có phát kiến vĩ đại thứ ba, sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

+ Với phát kiến thứ ba, những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng-phê phán đã được khắc phục một cách triệt để; đồng thời đã luận chứng và khẳng định về phương diện chính trị - xã hội sự diệt vong không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản và sự thắng lợi tất yếu của chủ nghĩa xã hội.

to Từ những cơ sở về chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư, giúp cho Mác đã có 1 lời giải trên cơ sở khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Chính sự ra đời của học thuyết này đã giúp cho chủ nghĩa Mác trở thành 1 học thuyết cách mạng, Là 1 học thuyết giúp chúng ta nhận thức và cải tạo thế giới.

2.3 Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học

- Được sự uỷ nhiệm của những người cộng sản và công nhân quốc tế, ngày 24 tháng 2 năm 1848, Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản do C.Mác và Ph.Ăngghen soạn thảo được công bố trước toàn thế giới → đánh dấu sự hình thành về cơ bản lý luận của chủ nghĩa Mác bao gồm 3 bộ phận hợp thành: Triết học, Kinh tế chính trị học và Chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Nội dung: nêu và phân tích một cách có hệ thống lịch sử và logic hoàn chỉnh về những vấn đề cơ bản nhất, đầy đủ, xúc tích và chặt chẽ nhất thấu tóm hầu như toàn bộ những luận điểm của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Giá trị: là cương lĩnh chính trị, là kim chỉ nam hành động của toàn bộ phong trào cộng sản và công nhân quốc tế; là ngọn cờ dẫn dắt giai cấp công nhân và nhân dân lao động hoàn thành sứ mệnh lịch sử, mục tiêu cuối cùng là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng loài người khỏi áp bức, bóc lột, bảo đảm hòa bình, tự do và hạnh phúc.

Kết luận: Thông qua các chuyển biến lập trường chính trị, lập trường triết học, ba phát kiến vĩ đại của Mác và sự ra đời của tác phẩm tuyên ngôn Đảng Cộng sản đã thể hiện 1 cách rõ nhất vai trò của Mác - Ăngghen đối với sự ra đời của học thuyết Mác và chủ nghĩa xã hội khoa học.

Câu 3

Khái niệm giai cấp công nhân và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

3.1 Khái niệm:

- Cũng như mọi hiện tượng xã hội khác, giai cấp công nhân là con đẻ của một hoàn cảnh lịch sử cụ thể và cùng với sự phát triển của lịch sử, cũng luôn luôn phát triển với những biểu hiện và đặc trưng mới trong từng giai đoạn nhất định.

- Sự phát triển của đại công nghiệp không những đã làm tăng thêm số người vô sản, mà còn tập hợp họ lại thành một tập đoàn xã hội rộng lớn, thành giai cấp vô sản hiện đại. Chính vì vậy, một kết luận rút ra là, giai cấp công nhân hiện đại ra đời gắn liền với sự phát triển của đại công nghiệp, nó là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp và lớn lên cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp đó.

- Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là một trong những giai cấp cơ bản, chủ yếu, đối lập với giai cấp tư sản, là giai cấp bị giai cấp tư sản tước đoạt hết tư liệu sản xuất, buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản để sống, bị bóc lột giá trị thặng dư. Họ là những người được tự do về thân thể và có quyền bán sức lao động tùy theo cung – cầu hàng hóa sức lao động. Đây là giai cấp bị bóc lột nặng nề, bị bản cùng hóa về vật chất lẫn tinh

thần. Sự tồn tại của họ phụ thuộc và quy luật cung – cầu hàng hóa sức lao động, phụ thuộc vào kết quả lao động của chính họ. Họ phải tạo ra giá trị thặng dư, nhưng giá trị thặng dư lại bị giai cấp tư sản chiếm đoạt.

- Dưới chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã định nghĩa rằng, “Giai cấp vô sản là giai cấp những công nhân làm thuê hiện đại, vì mất hết tư liệu sản xuất của bản thân, nên buộc bán sức lao động của mình để sống”.

- Dù giai cấp công nhân có bao gồm những công nhân làm những công việc khác nhau như thế nào đi nữa, thì theo C. Mác và Ph. Ăngghen, họ vẫn chỉ có hai tiêu chí cơ bản để xác định, phân biệt với các giai cấp, tầng lớp xã hội khác.

+ Một là, về phương thức lao động, phương thức sản xuất, đó là những người lao động trong nền sản xuất công nghiệp. Có thể họ là người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hóa cao. Đã là công nhân hiện đại thì phải gắn với nền đại công nghiệp, bởi vì nó là sản phẩm của nền đại công nghiệp. Giai cấp công nhân hiện đại là hạt nhân, bộ phận cơ bản của mọi tầng lớp công nhân.

+ Hai là, về vị trí trong quan hệ sản xuất của giai cấp công nhân, chúng ta phải xem xét trong hai trường hợp sau:

- Dưới chế độ tư bản chủ nghĩa thì giai cấp công nhân là những người vô sản hiện đại, không có tư liệu sản xuất, nên buộc phải làm thuê, bán sức lao động cho nhà tư bản và bị toàn thể giai cấp tư sản bóc lột. Tức là giá trị thặng dư mà giai cấp công nhân tạo ra bị nhà tư bản chiếm đoạt. Chính căn cứ vào tiêu chí này mà những người công nhân dưới chủ nghĩa tư bản được gọi là giai cấp vô sản.
- Sau cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền. Nó không còn ở vào địa vị bị áp bức, bị bóc lột nữa, mà trở thành giai cấp thống trị, lãnh đạo cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa. Giai cấp công nhân cùng với toàn thể nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu đã công hữu hóa. Như vậy họ không còn là những người vô sản như trước và sản phẩm thặng dư do họ tạo ra là nguồn gốc cho sự giàu có và phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

→ Căn cứ vào hai tiêu chí cơ bản nói trên, chúng ta có thể định nghĩa giai cấp công nhân như sau: Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền đại công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính chất xã hội hóa ngày càng cao, là lực lượng lao động cơ bản trực tiếp hoặc tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật chất và cải tạo các quan hệ xã hội; đại biểu cho lực lượng sản xuất và phương thức sản xuất tiên tiến trong thời đại ngày nay.

- Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xóa bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.

3.2 Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

3.2.1 Nội dung kinh tế

- Giai cấp công nhân trong phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đại diện cho lực lượng sản xuất mang tính chất xã hội hóa ngày càng cao. Để phù hợp với tính chất và trình độ này nó phải là quan hệ sản xuất dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

- Giai cấp công nhân là chủ thể của quá trình sản xuất vật chất, là người tham gia trực tiếp vào quá trình sản xuất vật chất, tạo ra nhiều của cải vật chất cho xã hội.

→ Tạo tiền đề vật chất - kỹ thuật cho sự ra đời xã hội mới.

- Giai cấp công nhân là giai cấp duy nhất không có lợi ích riêng với chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất (giai cấp công nhân là giai cấp có động lực nhất để xóa bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất). Vì vậy, giai cấp công nhân có lợi ích gắn với lợi ích chung của xã hội.

→ Nội dung về kinh tế thể hiện đặc bản chất, gốc rễ của sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đi đến xóa bỏ hoàn toàn chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và tạo điều kiện để giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động ra khỏi chế độ áp bức bóc lột.

3.2.2 Nội dung chính trị - xã hội

- Giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, tiến hành cách mạng chính trị để lật đổ quyền thống trị của giai cấp thống trị, xóa bỏ chế độ bóc lột, áp bức, giành quyền lực về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

→ Thiết lập nhà nước kiểu mới, mang bản chất giai cấp công nhân, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền lực của nhân dân, quyền dân chủ và làm chủ xã hội của tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

- Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sử dụng nhà nước của mình, do mình làm chủ như một công cụ có hiệu lực để cải tạo xã hội cũ và tổ chức xây dựng xã hội mới, phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội và tổ chức đời sống xã hội phục vụ quyền và lợi ích của nhân dân lao động, thực hiện dân chủ, công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội, theo lý tưởng và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

3.2.3 Nội dung văn hóa, tư tưởng

- Giai cấp công nhân trong tiến trình cách mạng cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng cần phải tập trung xây dựng hệ giá trị mới: lao động, công bằng, dân chủ, bình đẳng, tự do.

- Giai cấp công nhân thực hiện cuộc cách mạng về văn hóa, tư tưởng; xây dựng và củng cố ý thức hệ tiên tiến của giai cấp công nhân.

- Phát triển văn hóa, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đạo đức, lối sống mới xã hội chủ nghĩa

Kết luận: Thực chất sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân chính là nhiệm vụ của giai cấp công nhân được thể hiện trên các lĩnh vực về đời sống vật chất và đời sống tinh thần.

Câu 4

Những điều kiện khách quan và chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân?

4.1 Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

4.1.1 Do địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân

- Thứ nhất, giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất, cách mạng nhất trong các bộ phận cấu thành lực lượng sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản.

+ Trong nền sản xuất hiện đại, giai cấp công nhân vừa là chủ thể trực tiếp, vừa là sản phẩm căn bản nhất của nền sản xuất đó. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với đại công nghiệp, còn giai cấp công nhân lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp.

+ Giai cấp công nhân hiện đại có xu hướng ngày càng được tri thức hóa. Điều này có được là do yêu cầu khách quan của sự phát triển công nghiệp trong thời đại mà khoa học và công nghệ đã và đang trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.

- Thứ hai, do không có tư liệu sản xuất nên giai cấp công nhân phải bán sức lao động của mình cho nhà tư bản và bị nhà tư bản chiếm đoạt giá trị thặng dư, họ bị lệ thuộc hoàn toàn trong quá trình phân phối các kết quả lao động của chính mình. Do vậy, về mặt lợi ích giai cấp công nhân là giai cấp đối kháng trực tiếp với giai cấp tư sản.

+ Xét về bản chất, họ là giai cấp cách mạng triệt để nhất chống lại chế độ áp bức, bóc lột tư bản chủ nghĩa.

- Thứ ba, giai cấp công nhân có lợi ích căn bản thống nhất với lợi ích của toàn thể nhân dân lao động nên họ có thể tập hợp, đoàn kết, lãnh đạo đông đảo quần chúng đi theo làm cách mạng chống lại giai cấp tư sản

→ Địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân là yếu tố quan trọng nhất quy định nên sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân bởi nếu không có địa

vị về kinh tế là người đại diện cho lực lượng sản xuất tiên bộ, không có địa vị về xã hội là bị giai cấp tư sản bóc lột thì sẽ không có động lực về chính trị để thực hiện cuộc cách mạng xóa bỏ chủ nghĩa tư bản để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

4.1.2 Do địa vị chính trị - xã hội của giai cấp công nhân

- Thứ nhất, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất.

+ Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền sản xuất đại công nghiệp, phát triển cùng với sự phát triển của nền sản xuất đại công nghiệp nên nền sản xuất có trình độ phát triển cao đòi hỏi giai cấp công nhân cần phải tiếp thu các kiến thức khoa học để vận hành được dây chuyền này.

+ Giai cấp công nhân đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến thể hiện ở nhiệm vụ xóa bỏ quan hệ sản xuất dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất thiết lập quan hệ sản xuất mới tiên bộ hơn.

+ Giai cấp công nhân được trang bị lí luận của chủ nghĩa Mác Lê Nin là lí luận cách mạng khoa học và tiên bộ. Để có thể tiếp thu và vận dụng lí luận này đòi hỏi giai cấp công nhân cần có trình độ lí luận nhất định.

- Thứ hai, giai cấp công nhân có ý thức tổ chức kỷ luật cao.

+ Môi trường làm việc của giai cấp công nhân là sản xuất tập trung cao và có trình độ kỹ thuật ngày càng hiện đại, có cơ cấu tổ chức ngày càng chặt chẽ, làm việc theo dây chuyền buộc giai cấp công nhân phải luôn tuân thủ nghiêm ngặt kỷ luật lao động.

+ Do yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp chống lại giai cấp tư sản - là một giai cấp có tiềm lực về kinh tế - kỹ thuật nên giai cấp công nhân phải đấu tranh bằng phẩm chất kỷ luật của mình.

- Thứ ba, giai cấp công nhân có tinh thần cách mạng triệt để nhất. vì cách mạng của giai cấp công nhân hướng tới mục tiêu cuối là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người, thể hiện ở sự xóa bỏ mọi tình trạng áp bức bóc lột, nô dịch cả về vật chất lẫn tinh thần. Giai cấp công nhân vừa phải giành chính quyền, vừa sử dụng chính quyền để thực hiện mục tiêu đó.

- Thứ tư, giai cấp công nhân có bản chất quốc tế.

+ Giai cấp công nhân ở tất cả các nước đều có chung một mục đích là giải phóng mình đồng thời giải phóng xã hội khỏi áp bức bóc lột và họ đều có

chung một kẻ thù là giai cấp tư sản bóc lột.

+ Và cũng do yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp, để chống lại chủ nghĩa tư bản, giai cấp tư sản khi mà chúng đã liên kết với nhau thành tập đoàn tư bản, chủ nghĩa đế quốc, vì vậy mà giai cấp công nhân càng phải nêu cao tinh thần quốc tế của giai cấp mình, cùng nhau thực hiện sứ mệnh lịch sử.

→ Điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân thể hiện ở 2 nội dung: thứ nhất là về địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân và thứ 2 là địa vị về chính trị xã hội của giai cấp công nhân và chính điều kiện khách quan này là 1 trong các yếu tố để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

4.2 Điều kiện chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

4.2.1 Sự phát triển của bản thân giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng

- Sự phát triển về số lượng phải gắn liền với sự phát triển về chất lượng giai cấp công nhân hiện đại, đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình.

+ Chất lượng công nhân phải thể hiện ở trình độ trưởng thành về ý thức chính trị của một giai cấp cách mạng, tức là tự giác nhận thức được vai trò và trọng trách của giai cấp mình đối với lịch sử, do đó giai cấp công nhân phải được giác ngộ về lý luận khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lenin.

- Là giai cấp đại diện tiêu biểu cho phương thức sản xuất tiên tiến, chất lượng giai cấp công nhân còn phải thể hiện ở năng lực và trình độ làm chủ khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại, nhất là trong điều kiện hiện nay.

4.2.2 Đảng Cộng sản là nhân tố chủ quan quan trọng nhất để giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình

- Đảng Cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân ra đời và đảm nhận vai trò lãnh đạo cuộc cách mạng là dấu hiệu về sự trưởng thành vượt bậc của giai cấp công nhân với tư cách là giai cấp cách mạng.

- Giai cấp công nhân là cơ sở xã hội và nguồn bổ sung lực lượng quan trọng nhất của Đảng, làm cho Đảng mang bản chất giai cấp công nhân trở thành đội tiên phong, bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp.

+ Đảng Cộng sản đại biểu trung thành cho lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và xã hội.

- Đảng Cộng sản đề ra đường lối, tuyên truyền đưa đường lối vào thực tiễn cuộc sống; tổ chức thực hiện và gương mẫu thực hiện đường lối.

4.2.3 Sự liên minh giai cấp giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác (trí thức, tiểu thương,...) do giai cấp công nhân thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo

→ Chỉ duy nhất giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, từng bước xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi toàn thế giới.

Câu 5

Những đặc trưng cơ bản của CNXH theo quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin?

Chủ nghĩa xã hội là giai đoạn thấp của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Nó có sự khác nhau về chất và nguyên tắc xây dựng so với Chủ nghĩa tư bản. Dựa vào cơ sở lý luận khoa học của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta có thể nêu ra những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội như sau:

- Đặc trưng thứ nhất: cơ sở vật chất – kỹ thuật của Chủ nghĩa xã hội là nền sản xuất công nghiệp hiện đại.

+ Chỉ có nền sản xuất công nghiệp hiện đại mới đưa năng suất lao động lên cao, tạo ra ngày càng nhiều của cải vật chất cho xã hội, đảm bảo đáp ứng những nhu cầu về vật chất và văn hóa của nhân dân, không ngừng nâng cao phúc lợi xã hội cho toàn dân. Nền công nghiệp hiện đại đó được phát triển dựa trên lực lượng sản xuất đã phát triển cao. Ở những nước thực hiện sự

quá độ “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa lên chủ nghĩa xã hội”, trong đó có Việt Nam thì đương nhiên phải có quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa để từng bước xây dựng cơ sở vật chất – kỹ thuật hiện đại cho chủ nghĩa xã hội.

- Đặc trưng thứ hai: Chủ nghĩa xã hội đã xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu.

+ Thủ tiêu chế độ tư hữu là cách nói vắn tắt nhất, tổng quát nhất về thực chất của công cuộc cải tạo xã hội theo lập trường của giai cấp công nhân. Tuy nhiên, không phải xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung mà là xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa.

+ Chủ nghĩa xã hội được hình thành dựa trên cơ sở từng bước thiết lập chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, bao gồm sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Chế độ sở hữu này được củng cố, hoàn thiện, bảo đảm thích ứng với tính chất và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, mở đường cho lực lượng sản xuất phát triển, xóa bỏ dần những mâu thuẫn đối kháng trong xã hội, làm cho mọi thành viên trong xã hội ngày càng gắn bó với nhau vì những lợi ích căn bản.

- Đặc trưng thứ ba: Chủ nghĩa xã hội tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới.

+ Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa là một quá trình hoạt động tự giác của đại đa số nhân dân lao động, vì lợi ích của đa số nhân dân. Chính bản chất và mục đích đó, cần phải tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới phù hợp với địa vị làm chủ của người lao động, đồng thời khắc phục những tàn dư của tình trạng lao động bị tha hóa trong xã hội cũ.

- Đặc trưng thứ tư: Chủ nghĩa xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động – nguyên tắc phân phối cơ bản nhất.

+ Chủ nghĩa xã hội bảo đảm cho mọi người có quyền bình đẳng trong lao động sáng tạo và hưởng thụ. Mọi người có sức lao động đều có việc làm và được hưởng thù lao theo nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”. Đó là một trong những cơ sở của công bằng xã hội ở giai đoạn này.

- Đặc trưng thứ năm: Chủ nghĩa xã hội có Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, nhà nước mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân

dân.

+ Nhà nước xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Thông qua nhà nước, Đảng lãnh đạo toàn xã hội về mọi mặt và nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình trên mọi mặt của xã hội. Nhân dân lao động tham gia nhiều vào công việc nhà nước. Đây là một “nhà nước nửa nhà nước”, với tính tự giác, tự quản của nhân dân rất cao, thể hiện các quyền dân chủ, làm chủ và lợi ích của chính mình ngày càng rõ hơn.

- Đặc trưng thứ sáu: Chủ nghĩa xã hội đã giải phóng con người thoát khỏi áp bức bóc lột, thực hiện công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện.

+ Mục tiêu cao nhất của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người khỏi mọi ách áp bức về kinh tế và nô dịch về tinh thần, bảo đảm sự phát triển toàn diện cá nhân, hình thành và phát triển lối sống xã hội chủ nghĩa, làm cho mọi người phát huy tính tích cực của mình trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhờ xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa mà xóa bỏ sự đối kháng giai cấp, xóa bỏ tình trạng người bóc lột người, tình trạng nô dịch và áp bức dân tộc, thực hiện được sự công bằng, bình đẳng xã hội.

+ Những đặc trưng trên phản ánh bản chất của chủ nghĩa xã hội, nói lên tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Và do đó, chủ nghĩa xã hội là một xã hội tốt đẹp, lý tưởng, ước mơ của toàn thể nhân loại. Những đặc trưng đó có mối quan hệ mật thiết với nhau. Do đó, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cần phải quan tâm đầy đủ tất cả các đặc trưng này.

Câu 6

Khái niệm dân tộc và cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin?

6.1 Khái niệm dân tộc

- Dân tộc là sản phẩm của một quá trình lâu dài của xã hội loài người. Trước khi xuất hiện, loài người trải qua những hình thức cộng đồng từ thấp đến cao: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc.

- Cho đến nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, trong đó có hai nghĩa được dùng phổ biến nhất:

+ Một là, dân tộc chỉ một cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hóa đặc thù, xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc. Với nghĩa này, dân tộc là một bộ phận của quốc gia - quốc gia nhiều dân tộc.

+ Hai là, dân tộc chỉ cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước, có lãnh thổ, quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình, gắn bó với nhau bởi lợi ích chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, dân tộc là toàn bộ nhân dân của quốc gia đó - quốc gia dân tộc.

6.1.1 Nội dung cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin

- Căn cứ đề ra cương lĩnh dân tộc:

+ Mối quan hệ giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp.

+ Kinh nghiệm của việc giải quyết các vấn đề dân tộc ở nước Nga.

+ Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc:

- Xu hướng thứ nhất: cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập.
- Xu hướng thứ hai: các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

- Nội dung cương lĩnh dân tộc:

Lênin đã khái quát Cương lĩnh dân tộc như sau: “Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng, các dân tộc được quyền tự quyết, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.”

- Một là, các dân tộc hoàn toàn bình đẳng:

+ Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc, không phân biệt dân tộc lớn hay nhỏ, ở trình độ phát triển cao hay thấp. Các dân tộc đều có nghĩa vị và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, không dân tộc nào được giữ đặc quyền, đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa.

+ Trong quan hệ xã hội cũng như trong quan hệ quốc tế, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có

nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, nhưng quan trọng hơn nó phải được thực hiện trên thực tế.

+ Để thực hiện được quyền bình đẳng dân tộc, trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng áp bức dân tộc; phải đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc.

→ Ý nghĩa: Bình đẳng dân tộc là quyền thiêng liêng của dân tộc và là mục tiêu phấn đấu của các dân tộc trong sự nghiệp giải phóng. Nó là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị hợp tác giữa các dân tộc.

- Hai là, các dân tộc được quyền tự quyết:

+ Đó là quyền các dân tộc tự quyết lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.

+ Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

+ Quyền tự quyết dân tộc không đồng nhất với “quyền” của các tộc người thiểu số trong một quốc gia đa tộc người, nhất là việc phân lập thành quốc gia độc lập. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của thế lực phản động, thù địch lợi dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hoặc kích động đòi ly khai các dân tộc.

→ Ý nghĩa: Quyền dân tộc tự quyết là một quyền cơ bản của dân tộc. Nó là cơ sở để xóa bỏ sự hiềm khích, thù hằn giữa các dân tộc, phát huy tiềm năng của các dân tộc vào sự phát triển chung của nhân loại.

- Ba là, liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc:

+ Liên hiệp công nhân các dân tộc phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; phản ánh sự gắn bó chặt chẽ giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.

+ Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung này vừa là nội dung chủ yếu, vừa là giải pháp quan trọng để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chính thể.

→ Ý nghĩa: Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc là nội dung cơ bản nhất trong cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin.

+ Phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân.

+ Phản ánh sự thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp.

+ Đảm bảo cho phong trào giải phóng dân tộc có đủ sức mạnh để giành thắng lợi.

+ Là điều kiện thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Do đó, là cơ sở để giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc và giải phóng dân tộc bị áp bức.

+ Liên kết cả ba nội dung thành một chỉnh thể.

Câu 7

Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo?

7.1 Bản chất của tôn giáo

- Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh hoang đường, hư ảo hiện thực khách quan. Qua sự phản ánh của tôn giáo mọi sức mạnh của tự nhiên và xã hội trở thành thần bí.

+ Xét về bản chất tôn giáo là một hiện tượng xã hội tiêu cực.

+ Trong chừng mực nhất định tôn giáo có những mặt tích cực.

- Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, tinh thần của trạng thái không có tinh thần, tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân (Ăngghen).

- Chỉ rõ bản chất của tôn giáo, chủ nghĩa Mác - Lênin khẳng định rằng: Tôn giáo là một hiện tượng xã hội - văn hóa do con người sáng tạo ra. Con người sáng tạo ra tôn giáo vì mục đích, lợi ích của họ, phản ánh những ước mơ, nguyện vọng, suy nghĩ của họ. Nhưng, sáng tạo ra tôn giáo, con người lại bị lệ thuộc vào tôn giáo, tuyệt đối hóa và phục tùng tôn giáo vô điều kiện.

7.2 Nguồn gốc của tôn giáo

- Nguồn gốc của tôn giáo:

+ Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế-xã hội.

+ Nguồn gốc nhận thức.

+ Nguồn gốc tâm lý.

Trong đó, nguồn gốc kinh tế - xã hội và nguồn gốc cơ bản nhất.

- Nguồn gốc tự nhiên, kinh tế-xã hội:

+ Trong xã hội công xã nguyên thủy, do lực lượng sản xuất chưa phát triển, trước thiên nhiên hung vĩ tác động và chi phối khiến con người cảm thấy yếu đuối và bất lực, không giải thích được, nên con người đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực thần bí.

+ Khi xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hóa giai cấp và áp bức bóc lột bất công, tội ác,... cộng với lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội, con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

- Nguồn gốc nhận thức:

+ Sự nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và chính bản thân mình là có giới hạn. Khi mà khoảng cách giữa biết và chưa biết vẫn tồn tại, khi những điều mà khoa học chưa giải thích được, thì điều đó thường được giải thích thông qua lăng kính các tôn giáo.

+ Thực chất, nguồn gốc nhận thức của tôn giáo chính là sự tuyệt đối hóa, sự cường điệu mặt chủ thể của nhận thức con người, biến cái nội dung khách quan thành cái siêu nhiên, thần thánh.

- Nguồn gốc tâm lý:

+ Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn, con người cũng dễ tìm đến tôn giáo. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo.

7.3 Tính chất của tôn giáo

- Tính lịch sử của tôn giáo: tôn giáo là một hiện tượng xã hội có tính lịch sử, nghĩa là nó có sự hình thành, tồn tại và phát triển và có khả năng biến đổi trong những giai đoạn lịch sử nhất định để thích nghi với nhiều chế độ chính trị - xã hội. Khi các điều kiện kinh tế - xã hội, lịch sử thay đổi, tôn giáo cũng có sự thay đổi theo.

- Tính quần chúng của tôn giáo: tôn giáo là hiện tượng xã hội phổ biến ở tất cả các dân tộc, quốc gia, châu lục. Tính quần chúng của tôn giáo không chỉ biểu hiện ở số lượng tín đồ rất đông đảo (gồm $\frac{3}{4}$ dân số thế giới); mà còn thể hiện ở chỗ, các tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hóa, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân.

- Tính chính trị của tôn giáo: chỉ xuất hiện khi xã hội đã phân chia giai cấp, có sự khác biệt, sự đối kháng về lợi ích giai cấp. Trước hết, do tôn giáo là sản phẩm của những điều kiện kinh tế - xã hội, phản ánh lợi ích, nguyện vọng của các giai cấp khác nhau trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc, nên tôn giáo mang tính chính trị. Mặt khác, khi các giai cấp bóc lột, thống trị sử dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích giai cấp mình, chống lại các giai cấp lao động và tiến bộ xã hội, tôn giáo mang tính tiêu cực, phản tiến bộ.

- Tính phản khoa học của tôn giáo.